

SÀI GÒN ME KONG CHELATE 02

- **MSPB:** 01724
- **Dạng phân bón:** Dạng lỏng
- **Màu sắc phân bón:** Đen
- **Nguồn gốc:** Sản xuất trong nước

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG PHÂN BÓN

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp phân tích
Hàm lượng Bo	ppm	200	TCVN 10608:2015
Hàm lượng Fe	ppm	1.500	TCVN 9283:2018
Hàm lượng Mn	ppm	100	TCVN 9288:2012
Hàm lượng Zn	ppm	50	TCVN 9289:2012
Hàm lượng Cu	ppm	50	TCVN 9286:2018
Hàm lượng Co	ppm	50	TCVN 9287:2018
Hàm lượng Mo	ppm	50	TCVN 9283:2018
Tỷ trọng (keo sệt)	ppm	1.1	TCVN 3731:2007
Độ ẩm (rắn)	%	1	TCVN 9297:2012

CÔNG DỤNG

- Tạo xốp đất và chống lèn mặt đất, giữ bền cấu trúc đất.
- Làm tăng và ổn định pH đất.
- Kích thích ra rễ, tăng sức đề kháng cho cây trồng.
- Giúp cây tăng cường sức chống chịu với sâu bệnh hại và điều kiện tự nhiên bất lợi như hạn, mặn và giá rét.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Loại cây trồng	Liều lượng	Thời kỳ bón
Cây ăn trái	Pha 1 kg/200 lit nước tưới cho 15 - 20 gốc	Tươi 15 - 20 ngày/lần.
Rau màu	Pha 1 kg/200 lit nước tưới cho 400 - 500 m ²	Tươi 7 - 10 ngày/lần.

BẢO QUẢN

- Sản phẩm xếp chồng 3 lớp ngay ngắn trên pallet trong kho
- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát
- Tránh ánh nắng trực tiếp
- Tránh xa tầm tay trẻ em

YẾU TỐ HẠN CHẾ TRONG PHÂN BÓN ĐẶNG KÝ

Tên yếu tố	Đơn vị tính	Hàm lượng	Phương pháp phân tích
Thủy ngân (Hg)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 2	Ref. AOAC 971.21
Chì (Pb)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 200	TCVN 9290:2018
Asen (As)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 10	Ref. TCVN 8467:2010
Cadimi (Cd)	mg/kg hoặc mg/l hoặc ppm khối lượng	≤ 5	TCVN 9291:2018
<i>E.coli</i>	MPN/g hoặc MPN/ml hoặc CFU/g hoặc CFU/ml	< 1,1x10 ⁵	Ref. TCVN 6846:2007
<i>Salmonella</i>	CFU/g hoặc CFU/ml	KPH	Ref. TCVN 10780-1:2017
Yếu tố khác			